

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Chuyền – HP (23401701)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125330201	Nguyễn Hoàng Vương	Anh	08/08/2007	CCQ2533F	10.0	8.0	8.0	8.5	
2	2125330148	Nguyễn Hồ Chí	Bảo	02/11/2007	CCQ2533E	5.0	5.0	8.0	6.5	
3	2124150078	Đỗ Thanh	Bình	14/05/2006	CCQ2415A	6.0	8.0	8.0	7.5	
4	2124150077	Đồng Phước	Chiến	09/12/2006	CCQ2415A	10.0	8.0	8.0	8.5	
5	2124150081	Lê Bảo	Chung	20/08/2006	CCQ2415A	5.0	8.0	8.0	7.3	
6	2125330195	Hồ Thế	Đan	12/08/2007	CCQ2533F	6.0	8.0	8.0	7.5	
7	2125330169	Đồng Thanh	Đạt	09/01/2007	CCQ2533E	6.0	8.0	8.0	7.5	
8	2125330161	Trần Công	Đoàn	27/10/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	2125330159	Nguyễn Quốc	Đồng	23/09/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	2125330190	Trần Văn	Đức	22/03/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	2125330178	Đặng Quốc	Dũng	21/08/2007	CCQ2533F	10.0	6.0	6.0	7.0	
12	2125330147	Vũ Tiến	Dũng	05/09/2007	CCQ2533E	10.0	6.0	6.0	7.0	
13	2124150091	Mã Thanh	Duy	15/08/2006	CCQ2415A	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	2125330146	Nguyễn Quốc	Duy	14/08/2007	CCQ2533E	6.0	6.0	6.0	6.0	
15	2125330143	Lê Văn	Hải	02/05/2007	CCQ2533E	10.0	6.0	6.0	7.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
16	2125330166	Phạm Gia	Hào	26/12/2007	CCQ2533E	7.0	6.0	6.0	6.3	
17	2125330162	Nguyễn Văn	Hiệp	01/05/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	2124150071	Nguyễn Minh	Hiếu	18/08/2006	CCQ2415A	10.0	6.0	6.0	7.0	
19	2125330194	Nguyễn Minh	Hiếu	10/12/2006	CCQ2533F	6.0	6.0	6.0	6.0	
20	2125060014	Thạch Hoàng Trung	Hiếu	02/12/2007	CCQ2506A	0.0	0.0	0.0	0.0	
21	2125330179	Lê Minh	Hoàng	30/04/2007	CCQ2533F	10.0	7.0	7.0	7.8	
22	2125330175	Nguyễn Quốc	Hoàng	07/01/2006	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	2125330155	Lê Quang	Hưng	15/09/2007	CCQ2533E	4.0	7.0	7.0	6.3	
24	2125060007	Nguyễn Ngọc	Hưng	23/05/2007	CCQ2506A	6.0	7.0	7.0	6.8	
25	2125330184	Nguyễn Ngọc	Hưng	11/09/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	2125330197	Trương Văn	Hữu	10/10/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	
27	2125330196	K'	Huy	09/01/2007	CCQ2533F	6.0	5.0	7.0	6.3	
28	2124150093	Nguyễn Quang	Huy	22/04/1999	CCQ2415B	0.0	0.0	0.0	0.0	
29	2124140060	Nguyễn Thanh	Kha	18/10/2006	CCQ2417D	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	2125330144	Nguyễn Duy	Khang	03/05/2007	CCQ2533E	8.0	7.0	7.0	7.3	
31	2125180089	Trần Phan Đông	Khang	27/01/2007	CCQ2518C	4.0	9.0	9.0	7.8	
32	2125330150	Vũ Quốc	Khánh	25/05/2006	CCQ2533E	6.0	7.0	5.0	5.8	
33	2124150086	Đặng Huy	Khiêm	25/09/2006	CCQ2415B	6.0	6.0	9.0	7.5	
34	2125330165	Lê Nguyễn Anh	Khoa	16/10/2007	CCQ2533E	6.0	6.0	9.0	7.5	
35	2125330185	Trần Đăng	Khoa	01/01/2005	CCQ2533F	4.0	6.0	9.0	7.0	
36	2125330181	Trần Vũ	Khương	23/01/2004	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	2125060037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19/05/2006	CCQ2506A	5.0	6.0	9.0	7.3	
38	2125330142	Lê Thế	Kỷ	20/06/2007	CCQ2533E	10.0	6.0	9.0	8.5	
39	2125330160	Mai Phan Tùng	Linh	13/06/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	2125060025	Nguyễn Hoài	Long	25/11/2007	CCQ2506A	8.0	9.0	9.0	8.8	
41	2125330157	Nguyễn Hoàng	Long	25/03/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
42	2125320035	Nguyễn Minh	Luân	07/08/2007	CCQ2532A	10.0	6.0	9.0	8.5	
43	2125330193	Nguyễn Thành	Lực	02/12/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	2124150096	Phạm Phú	Lực	14/09/2005	CCQ2415B	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	2124150076	Ngô Hoàng	Mến	29/04/2006	CCQ2415B	8.0	8.0	7.0	7.5	
46	2125330163	Nguyễn Xuân	Nghĩa	22/04/2006	CCQ2533E	4.0	8.0	7.0	6.5	
47	2125330152	Trần Đại	Nghĩa	07/12/2007	CCQ2533E	10.0	8.0	7.0	8.0	
48	2125330151	Lê Nguyễn Trọng	Nguyên	06/10/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
49	2125330176	Phạm Đức	Nhất	06/07/2007	CCQ2533E	4.0	8.0	7.0	6.5	
50	2125330167	Đỗ	Phong	11/05/2007	CCQ2533E	10.0	8.0	7.0	8.0	
51	2125330149	Lư Ngọc	Phong	06/08/2007	CCQ2533E	10.0	8.0	7.0	8.0	
52	2124150092	Phạm Ngọc	Phong	23/11/2006	CCQ2415B	7.0	8.0	7.0	7.3	
53	2125330164	Nguyễn Hữu	Phú	10/05/2006	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	2125330187	Nguyễn Văn	Phúc	25/12/2003	CCQ2533F	10.0	8.0	7.0	8.0	
55	2124150082	Nguyễn Anh	Quá	14/01/2005	CCQ2415B	4.0	5.0	6.0	5.3	
56	2125330182	Lô Hoàng	Sơn	16/11/2007	CCQ2533F	6.0	5.0	6.0	5.8	
57	2125330156	Nguyễn Tấn	Tâm	01/11/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0.0	0.0	
58	2124150072	Nguyễn Thuận	Thiên	30/05/2005	CCQ2415B	8.0	9.0	6.0	7.3	
59	2125060001	Phan Hùng	Thuận	30/08/2007	CCQ2506A	8.0	9.0	9.0	8.8	
60	2125060031	Nguyễn Bảo	Toàn	10/09/2007	CCQ2506A	5.0	9.0	9.0	8.0	
61	2125330172	Nguyễn Khánh	Toàn	22/09/2007	CCQ2533E	6.0	9.0	6.0	6.8	
62	2125330202	Ung Thái	Toàn	10/04/2007	CCQ2533F	6.0	9.0	6.0	6.8	
63	2125330177	Lê Công	Trí	16/11/2006	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	
64	2125330170	Lê Văn	Trí	25/11/2007	CCQ2533E	7.0	9.0	6.0	7.0	
65	2125330183	Nguyễn Cao Minh	Triết	28/11/2006	CCQ2533F	10.0	7.0	8.0	8.3	
66	2125330199	Danh Tiểu	Trường	12/09/2007	CCQ2533F	6.0	7.0	8.0	7.3	
67	2125330153	Nguyễn Xuân	Trường	10/12/2007	CCQ2533E	4.0	7.0	8.0	6.8	
68	2125330189	Dương Minh	Tuấn	17/04/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0.0	0.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
69	2124150085	Trần Đình Lê	Tuấn	09/05/2006	CCQ2415B	4.0	5.0	8.0	6.3	
70	2125330154	Trần Quốc	Tuấn	26/03/2007	CCQ2533E	8.0	7.0	8.0	7.8	
71	2124150084	Nguyễn Trọng	Tùng	22/07/2006	CCQ2415B	0.0	0.0	0.0	0.0	
72	2125330168	Trần Thiên	Tường	13/09/2007	CCQ2533E	9.0	7.0	8.0	8.0	
73	2125330145	Ngô A	Ty	05/09/2007	CCQ2533E	8.0	7.0	8.0	7.8	
74	2125330173	Lê Công	Văn	29/04/2007	CCQ2533E	8.0	9.0	9.0	8.8	
75	2125330174	Đinh Thế	Vinh	23/02/2007	CCQ2533E	8.0	9.0	9.0	8.8	
76	2124150079	Nguyễn Xuân	Vinh	23/10/2006	CCQ2415B	6.0	9.0	9.0	8.3	
77	2125330171	Nguyễn Khánh	Vũ	27/11/2007	CCQ2533E	4.0	9.0	9.0	7.8	
78										
79										

TPHCM , ngày 07 tháng 01 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Chuyền – HP (23401701)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125330201	Nguyễn Hoàng Vương	Anh	08/08/2007	CCQ2533F	8.5	8.0	8,20	
2	2125330148	Nguyễn Hồ Chí	Bảo	02/11/2007	CCQ2533E	6.5	8.0	7,40	
3	2124150078	Đỗ Thanh	Bình	14/05/2006	CCQ2415A	7.5	5.0	6,00	
4	2124150077	Đồng Phước	Chiến	09/12/2006	CCQ2415A	8.5	8.0	8,20	
5	2124150081	Lê Bảo	Chung	20/08/2006	CCQ2415A	7.3	8.0	7,70	
6	2125330195	Hồ Thế	Đan	12/08/2007	CCQ2533F	7.5	6.0	6,60	
7	2125330169	Đồng Thanh	Đạt	09/01/2007	CCQ2533E	7.5	7.0	7,20	
8	2125330161	Trần Công	Đoàn	27/10/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
9	2125330159	Nguyễn Quốc	Đồng	23/09/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
10	2125330190	Trần Văn	Đức	22/03/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	
11	2125330178	Đặng Quốc	Dũng	21/08/2007	CCQ2533F	7.0	7.0	7,00	
12	2125330147	Vũ Tiến	Dũng	05/09/2007	CCQ2533E	7.0	5.0	5,80	
13	2124150091	Mã Thanh	Duy	15/08/2006	CCQ2415A	0.0	8.0	4,80	
14	2125330146	Nguyễn Quốc	Duy	14/08/2007	CCQ2533E	6.0	6.0	6,00	
15	2125330143	Lê Văn	Hải	02/05/2007	CCQ2533E	7.0	7.0	7,00	
16	2125330166	Phạm Gia	Hào	26/12/2007	CCQ2533E	6.3	5.0	5,50	
17	2125330162	Nguyễn Văn	Hiệp	01/05/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
18	2124150071	Nguyễn Minh	Hiếu	18/08/2006	CCQ2415A	7.0	8.0	7,60	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125330194	Nguyễn Minh	Hiếu	10/12/2006	CCQ2533F	6.0	6.0	6,00	
20	2125060014	Thạch Hoàng Trung	Hiếu	02/12/2007	CCQ2506A	0.0	0.0	0,00	
21	2125330179	Lê Minh	Hoàng	30/04/2007	CCQ2533F	7.8	5.0	6,10	
22	2125330175	Nguyễn Quốc	Hoàng	07/01/2006	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
23	2125330155	Lê Quang	Hung	15/09/2007	CCQ2533E	6.3	5.0	5,50	
24	2125060007	Nguyễn Ngọc	Hung	23/05/2007	CCQ2506A	6.8	5.0	5,70	
25	2125330184	Nguyễn Ngọc	Hung	11/09/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	
26	2125330197	Trương Văn	Hữu	10/10/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	
27	2125330196	K'	Huy	09/01/2007	CCQ2533F	6.3	8.0	7,30	
28	2124150093	Nguyễn Quang	Huy	22/04/1999	CCQ2415B	0.0	0.0	0,00	
29	2124140060	Nguyễn Thanh	Kha	18/10/2006	CCQ2417D	0.0	0.0	0,00	
30	2125330144	Nguyễn Duy	Khang	03/05/2007	CCQ2533E	7.3	7.0	7,10	
31	2125180089	Trần Phan Đông	Khang	27/01/2007	CCQ2518C	7.8	9.0	8,50	
32	2125330150	Vũ Quốc	Khánh	25/05/2006	CCQ2533E	5.8	5.0	5,30	
33	2124150086	Đặng Huy	Khiêm	25/09/2006	CCQ2415B	7.5	9.0	8,40	
34	2125330165	Lê Nguyễn Anh	Khoa	16/10/2007	CCQ2533E	7.5	0.0	3,00	
35	2125330185	Trần Đăng	Khoa	01/01/2005	CCQ2533F	7.0	7.0	7,00	
36	2125330181	Trần Vũ	Khương	23/01/2004	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	
37	2125060037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19/05/2006	CCQ2506A	7.3	6.0	6,50	
38	2125330142	Lê Thế	Kỷ	20/06/2007	CCQ2533E	8.5	7.0	7,60	
39	2125330160	Mai Phan Tùng	Linh	13/06/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
40	2125060025	Nguyễn Hoài	Long	25/11/2007	CCQ2506A	8.8	8.0	8,30	
41	2125330157	Nguyễn Hoàng	Long	25/03/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
42	2125320035	Nguyễn Minh	Luân	07/08/2007	CCQ2532A	8.5	9.0	8,80	
43	2125330193	Nguyễn Thành	Lực	02/12/2007	CCQ2533F	0.0	8.0	4,80	
44	2124150096	Phạm Phú	Lực	14/09/2005	CCQ2415B	0.0	8.0	4,80	
45	2124150076	Ngô Hoàng	Mến	29/04/2006	CCQ2415B	7.5	5.0	6,00	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2125330163	Nguyễn Xuân	Nghĩa	22/04/2006	CCQ2533E	6.5	7.0	6,80	
47	2125330152	Trần Đại	Nghĩa	07/12/2007	CCQ2533E	8.0	5.0	6,20	
48	2125330151	Lê Nguyễn Trọng	Nguyên	06/10/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
49	2125330176	Phạm Đức	Nhất	06/07/2007	CCQ2533E	6.5	6.0	6,20	
50	2125330167	Đỗ	Phong	11/05/2007	CCQ2533E	8.0	5.0	6,20	
51	2125330149	Lư Ngọc	Phong	06/08/2007	CCQ2533E	8.0	9.0	8,60	
52	2124150092	Phạm Ngọc	Phong	23/11/2006	CCQ2415B	7.3	7.0	7,10	
53	2125330164	Nguyễn Hữu	Phú	10/05/2006	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
54	2125330187	Nguyễn Văn	Phúc	25/12/2003	CCQ2533F	8.0	8.0	8,00	
55	2124150082	Nguyễn Anh	Quá	14/01/2005	CCQ2415B	5.3	7.0	6,30	
56	2125330182	Lô Hoàng	Sơn	16/11/2007	CCQ2533F	5.8	7.0	6,50	
57	2125330156	Nguyễn Tấn	Tâm	01/11/2007	CCQ2533E	0.0	0.0	0,00	
58	2124150072	Nguyễn Thuận	Thiên	30/05/2005	CCQ2415B	7.3	8.0	7,70	
59	2125060001	Phan Hùng	Thuận	30/08/2007	CCQ2506A	8.8	5.0	6,50	
60	2125060031	Nguyễn Bảo	Toàn	10/09/2007	CCQ2506A	8.0	10.0	9,20	
61	2125330172	Nguyễn Khánh	Toàn	22/09/2007	CCQ2533E	6.8	8.0	7,50	
62	2125330202	Ung Thái	Toàn	10/04/2007	CCQ2533F	6.8	7.0	6,90	
63	2125330177	Lê Công	Trí	16/11/2006	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	
64	2125330170	Lê Văn	Trí	25/11/2007	CCQ2533E	7.0	7.0	7,00	
65	2125330183	Nguyễn Cao Minh	Triết	28/11/2006	CCQ2533F	8.3	8.0	8,10	
66	2125330199	Danh Tiểu	Trường	12/09/2007	CCQ2533F	7.3	7.0	7,10	
67	2125330153	Nguyễn Xuân	Trường	10/12/2007	CCQ2533E	6.8	6.0	6,30	
68	2125330189	Dương Minh	Tuấn	17/04/2007	CCQ2533F	0.0	8.0	4,80	
69	2124150085	Trần Đình Lê	Tuấn	09/05/2006	CCQ2415B	6.3	7.0	6,70	
70	2125330154	Trần Quốc	Tuấn	26/03/2007	CCQ2533E	7.8	8.0	7,90	
71	2124150084	Nguyễn Trọng	Tùng	22/07/2006	CCQ2415B	0.0	0.0	0,00	
72	2125330168	Trần Thiên	Tường	13/09/2007	CCQ2533E	8.0	5.0	6,20	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
73	2125330145	Ngô A	Ty	05/09/2007	CCQ2533E	7.8	8.0	7,90	
74	2125330173	Lê Công	Văn	29/04/2007	CCQ2533E	8.8	6.0	7,10	
75	2125330174	Đình Thế	Vinh	23/02/2007	CCQ2533E	8.8	8.0	8,30	
76	2124150079	Nguyễn Xuân	Vinh	23/10/2006	CCQ2415B	8.3	8.0	8,10	
77	2125330171	Nguyễn Khánh	Vũ	27/11/2007	CCQ2533E	7.8	7.0	7,30	
78									
79									

TPHCM , ngày 07 tháng 01 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình